

TỰ TÌNH

(Bài II - HỒ XUÂN HƯƠNG)

Ông Ni-cu-lin, một người Nga, nghiên cứu văn học trung đại Việt Nam, đã phát biểu một câu thật chính xác : Thơ Hồ Xuân Hương là sự "đột nhập của nền văn học dân gian Việt Nam thời trung cổ không được thừa nhận vào lĩnh vực thơ ca cao cấp" .

Thực ra, lịch sử văn học trung đại Việt Nam vẫn có quy luật này : hai bộ phận văn học dân gian và văn học viết tồn tại và phát triển song song trong suốt trường kì lịch sử vẫn luôn luôn có tác động qua lại. Khi những tinh hoa của hai bộ phận này kết tụ lại ở những cá tính sáng tạo nào đó, trong những điều kiện lịch sử nhất định, thì đất nước lại được thấy sự xuất hiện của những thiên tài văn học với những áng thơ văn bất hủ. Ấy là những trường hợp Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương,...

Tuy nhiên, ở Hồ Xuân Hương, quy luật này vẫn có một khía cạnh đặc biệt khác thường. Đây là trường hợp tư tưởng dân gian lẫn át hẳn tư tưởng chính thống mà các tác giả Nho học, dù là Nguyễn Trãi, Nguyễn Du cũng không hoàn toàn dứt bỏ được. Một tinh thần nổi loạn quyết liệt muốn san bằng mọi đẳng cấp trong xã hội, một khát vọng được sống, được hưởng hạnh phúc đúng với nghĩa thiết thực nhất, người nhất, trần tục nhất, chống lại mọi ràng buộc của lễ giáo phong kiến và tất cả những gì trái với tự nhiên - một thứ tư tưởng đặc biệt đề cao người phụ nữ là hạng người bị khinh rẻ nhất trong xã hội phong kiến - và lấy quy luật Tạo hoá làm chuẩn, đề cao sự sống tự nhiên như trời đất giao hoà, âm dương giao phối. Một thứ tư tưởng đi thẳng từ tục lệ thờ cúng sinh thực khí, từ những lễ hội nam nữ giao phối tượng trưng còn tồn tại mãi sau này ở nhiều làng xã Việt Nam, từ những bức tranh Đông Hồ như Hứng dừa, Đánh ghen hay những bức khắc gỗ Các cô gái tắm ao vẫn còn đó ở đình Thổ Tang, Vĩnh Phúc, từ những truyện tiểu lâm, Trạng Quỳnh, Trạng Lợn hay những câu ca dao hết sức táo tợn :

— Không chồng mà chữa mới ngoan,

Có chồng mà chữa thế gian đã nhiều.

-Có chồng càng dễ chơi ngang,

Đẻ ra con thiếp con chàng con ai.

— Lẳng lơ cũng chẳng có mồn,

Chỉnh chuyên cũng chẳng sơn son để thờ. v.v.

Tư tưởng ấy đem đến cho Hồ Xuân Hương một nhãn quan (vision) riêng về thế giới : nhìn đâu cũng thấy Tạo hoá sinh sôi, âm dương giao phối, một thế giới trẻ trung, sống động, tốt tươi phồn thực, phơi phơi xuân tình, đầy tràn sắc dục,...

Một tư tưởng như thế tấn công mạnh mẽ và chiếm lĩnh được nội dung chủ đạo của văn chương bác học, chỉ có thể xuất hiện ở thời đại mà chế độ phong kiến khủng hoảng sâu sắc, thời đại quật khởi của nhân dân. Ấy là thời đại từ Nam chí Bắc, nông dân khởi nghĩa nổ ra liên tiếp dẫn tới đỉnh cao là phong trào Tây Sơn lật đổ vua Lê, chúa Trịnh ở Đàng Ngoài, dẹp tan chúa Nguyễn ở Đàng Trong, rước thẳng lên ngôi vua một anh hùng nông dân. Ông "vua áo vải" này với khí thế của quần chúng như triều dâng thác đổ, đã chớp nhoáng tiêu diệt quân Xiêm phía Nam và đánh tan hàng vạn quân Thanh phía Bắc.

Phải coi thơ Xuân Hương như tiếng dội trực tiếp của khí thế ấy mới hiểu được tinh thần táo tợn rất bình dân ở người đàn bà trí thức này. Tất nhiên Hồ Xuân Hương không phải là một hiện tượng đơn độc mà nằm trong cả một trào lưu văn học đầy tinh thần nhân văn chủ nghĩa cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX. Nhưng phải nói ở nhà thơ này, sự "xâm lăng" của tinh thần dân gian vào văn học viết vẫn mãnh liệt hơn cả. Nếu ta nhớ rằng, đến mãi đầu thế kỉ XX, những nhà nho cấp tiến như Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng vẫn còn coi Truyện Kiều là dâm

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

thư, cô Kiều là con đĩ, thì có thể mừng tượng được, vào thế kỉ XVIII, dư luận của giới nho sĩ đã phản ứng dữ dội như thế nào trước những vần thơ đi trước thời đại của Hồ Xuân Hương.

Nhưng khát vọng giải phóng nhân dân, giải phóng người phụ nữ của Xuân Hương làm sao có thể thực hiện được trong hoàn cảnh lúc bấy giờ. Đến ngay như Vương triều Tây Sơn cuối cùng cũng rơi vào khủng hoảng để cho Nguyễn Ánh trở lại khôi phục được nền chuyên chế nặng nề. Cho nên khuôn khổ của chế độ phong kiến trở nên quá chật hẹp đối với sức sống và tư tưởng ngang tàng của Xuân Hương ; nhưng ngược lại, dù chống phá mạnh mẽ, sôi sục thế nào, Xuân Hương cuối cùng cũng không thoát ra khỏi được khuôn phép của chế độ ấy. Có thể nói, Xuân Hương là nỗi bức bối, là sự ám ảch của lịch sử Việt Nam cuối thế kỉ XVIII, đầu thế kỉ XIX, muốn tìm một lối thoát mà chưa tìm được. Tấn bi kịch lịch sử này ngẫu nhiên lại gặp tấn bi kịch cá nhân của người đàn bà họ Hồ, một kì nữ tài ba với sự thức tỉnh mạnh mẽ về ý thức cá nhân, về quyền sống, quyền hưởng hạnh phúc của người phụ nữ, vậy mà cuộc đời lại phải chịu nhiều bất hạnh : một lần làm lẽ, hai lần goá chồng !

Cái bức bối, cái ám ảch vừa có tính cá nhân vừa có tính lịch sử đó đã tạo nên một nội dung riêng và một chất giọng riêng của thơ Hồ Xuân Hương.

Hồ Xuân Hương sáng tác một loạt ba bài Tự tình { Kể nỗi lòng), người ta đánh số I, II, III.

Căn cứ vào ý thơ, giọng thơ, giới nghiên cứu đồ rằng, ba bài Tự tình đều làm khi nhà thơ tuổi đời đã xế và, vì thế đã từng phải nếm vị chua chát, nỗi chán chường của phận lẽ mọn và cảnh goá bụa. Nghĩ lại những ngày qua, người thiếu phụ - thi sĩ "Giật mình mình lại thương mình xót xa". Nhưng khác với Thuý Kiều, cái tôi Xuân Hương, dù bế tắc vẫn không hoàn toàn khuất phục, dù bất lực vẫn không chịu buông xuôi.

Bài thứ nhất (Tự tình I) lấy cảm hứng vào lúc đã có tiếng gà báo sáng ("Tiếng gà văng vẳng gáy trên bom") ; bài thứ hai (Tự tình II) lấy cảm hứng vào lúc đêm đã về khuya ("Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn"). Đó là thời khắc của

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

hạnh phúc lứa đôi, của sum họp vợ chồng, vì thế cũng là thời khắc người vợ lẽ hay người goá phụ cảm nhận được đầy đủ nhất, sâu sắc nhất, thấm thía nhất, cảnh cô đơn, nỗi bất hạnh của thân phận mình :

Đêm khuya vắng vắng trống canh dồn.

Đêm đã khuya mà nhà thơ vẫn tỉnh thức - vì không ngủ được hay không muốn ngủ ? - ngồi lắng nghe tiếng trống cầm canh nơi một đồn ải nào vắng lại, nhắc nhở một cách quái ác thời gian dường như cứ dồn đuổi nhau trôi đi, trôi đi một cách uổng phí và vô nghĩa lí trên thân phận trớ trêu của người đàn bà vẫn khao khát hạnh phúc mà phải chịu cảnh chẵn đơn, gói chiếu,...

Trơ cái hồng nhan với nước non.

Chữ nghĩa của Xuân Hương bao giờ cũng trần trụi đến tàn nhẫn như thế.

Khi nhà thơ dùng đến hai chữ "hồng nhan" thì có nghĩa là ở người thiếu phụ, xuân sắc vẫn còn, xuân tình chưa cạn, vậy mà cứ phải "trơ" ra đó, không kẻ đoái hoài. Có người hiểu chữ "trơ" theo nghĩa trơ lì, không còn cảm giác : "Đau thương, ê chề ngấm sâu dần, sâu dần vào xương cốt, biến con người thành vật vô tri"(1\ Đây là cách hiểu chữ trơ trong thơ Bà Huyện Thanh Quan : "Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt". Tôi cho rằng, hiểu thơ như thế là trái ngược với tư tưởng tác giả trong Tự tình (bài II) này. Người đàn bà này, đúng là đã nếm trải nhiều bất hạnh, nhưng tâm hồn vẫn luôn luôn cháy bỏng, luôn luôn sôi sục, một tâm trạng bồn chồn không yên, thể hiện ở hai câu thực :

Chén rượu hương đưa say lại tỉnh,

Vầng trăng bóng xế khuyết chưa tròn.

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

Uống rượu để quên đời, nhưng không quên được : "say lại tỉnh", khao khát sự thoả mãn mà ngó ra ngoài trời, chỉ thấy đêm tàn trăng khuyết.

Nhưng đây mới thực là tính cách và ngôn ngữ Xuân Hương :

Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám,

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.

Thể giới hình tượng của thơ Xuân Hương bao giờ cũng hoạt động mạnh mẽ và huyền ảo như thế. Đó là không gian, thời gian trần tục, trần thế nên luôn luôn vận động, sôi sục, đối lập với không khí tĩnh lặng, phi thời gian của cổ thi ("Mở thăm không khua mà cũng cốc - Chuông sàu chẳng đánh có sao om ?" ; "Lắt lẻo cành thông cơn gió thốc - Đầm đĩa lá liễu giọt sương gieo" ; "Gió giật sườn non khua lác cắc - Sóng dồn mặt nước vỗ long bong",... Ngay cả màu sắc trong thơ Xuân Hương nhiều khi cũng như muốn gào lên, muốn hét lên : "Cửa son đỏ loét tùm hum nóc - Hòn đá xanh rì lún phún rêu" ; "Một trái trăng thu chín mồm mòm - Nảy vùng quế đỏ, đỏ lòm lom",...).

Tuy nhiên, âm thanh hay màu sắc, dù sao tự nó cũng phát ra tiếng động hoặc hiện thành xanh, vàng, trắng, đỏ,... Nhà thơ chỉ cần phóng đại thật to, tô cho thật đậm để trở thành âm thanh, màu sắc độc đáo của Xuân Hương. Nhưng dưới ngòi bút của nữ sĩ họ Hồ, ngay cả những vật hoàn toàn tĩnh lại, hoàn toàn bất động cũng đột nhiên trở thành những sinh vật biết cựa quậy, biết vùng vẫy, biết phá phách : "Xiên ngang mặt đất rêu từng đám - Đâm toạc chân mây đá mấy hòn". Thủ pháp đảo ngữ được sử dụng ở đây càng nhấn mạnh tính hoạt động mạnh mẽ, dữ dội của thế giới nghệ thuật Hồ Xuân Hương.

Vậy là cái tôi đầy sức sống mà bị dồn nén của Xuân Hương từ những câu đề, qua hai câu thực, đến những câu luận, cứ nổi lên dần : lúc đầu là nổi chán chường, ngán ngẫm "Trơ cái hồng nhan với nước non", tiếp đó là tâm trạng bức dọc, bồn chồn, muốn say mà không say được, trong khi đêm thì tàn mà trăng vẫn khuyết : "Chén rượu hương đưa say lại tỉnh - Vàng trăng bóng xế khuyết

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

chưa tròn". Cuối cùng là nỗi bức bối, niềm phần uất muốn vùng lên phá phách. Khát vọng sống của con người này, yêu cầu thực hiện triệt để tính cách, cá tính của người đàn bà đặc biệt này, chẳng những chế độ phong kiến không dung nổi, mà đến trời đất cũng trở nên chật hẹp.

Không phải ngẫu nhiên mà Xuân Hương thường đặt nhân vật của mình đối diện với thiên nhiên rộng lớn, kẻ vai với vũ trụ mênh mông ("Thân em vừa trắng lại vừa tròn - Bảy nổi ba chìm với nước non" ; "Gan nghĩa giải ra cùng nhật nguyệt - Khôi tình cộ mãi với non sông" ; "Văng vẳng bên tai tiếng khóc chồng - Nín đi kéo thẹn với non sông" ; "Đêm khuya văng vẳng trông canh dồn - Trơ cái hồng nhan với nước non",... Ấy là một con người có kích cỡ đặc biệt, không phải chỉ của bản thân mình hay của một gia đình, một làng, một xã, mà còn là của nhân dân, của đất nước, của Tạo hoá, của vũ trụ. Có nghĩ như vậy, ta mới hiểu được vì sao Xuân Hương có thể tự đặt mình từ thế đứng rất cao với thái độ và giọng điệu hết sức kẻ cả khi đối thoại với đời, dù đó là những bậc hiền nhân quân tử, là Thái thú Sầm Nghi Đống, là những đấng anh hùng ("Mát mặt anh hùng khi tắt gió") thậm chí là vua, là chúa ("Chúa dẫu, vua yêu một cái này" - Vịnh cái quạt).

Nhưng Xuân Hương, dù tư tưởng có thể đi trước thời đại, nhưng trong đời thực vẫn không thể vượt khỏi thân phận của mình. Vì thế, những hành vi phá phách, nổi loạn dù táo tợn thế nào cũng chỉ là những vùng vẫy trong giới hạn của ngôn từ mà thôi. Nhà thơ đành chấp nhận số phận của mình bằng một tiếng thở dài ngao ngán :

Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại,

Mảnh tình san sẻ tí con con !

Nhưng Xuân Hương đích thực là nhà thơ của mùa xuân, tuổi trẻ và tình yêu của sự sống tươi ròng, của tinh thần lạc quan, yêu đời. Đó cũng chính là chất dân gian đậm đặc của hồn thơ này. Đọc thơ Xuân Hương, thấy có đủ cả buồn khổ, đắng cay, chán chường, căm uất, đủ cả oán thù, phẫn nộ, thậm chí muốn tung hô tất cả, phá phách tất cả..., nhưng không bao giờ mất hết niềm tin ở cuộc đời, ở

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

sự sống. Điều ấy có thể cảm nhận rất rõ ở thế giới nghệ thuật hết sức sống động của nữ sĩ, một thế giới không bao giờ hoàn toàn vắng lặng : nếu không có tiếng chuông chùa văng vẳng, tiếng mõ, tiếng trống cầm canh thì cũng có tiếng "gà gáy trên bom", tiếng "sóng dồn mặt nước", tiếng "gió giật sườn non", hay "cành thông gió thốc",... Và nếu lắng nghe còn thấy "Rúc rích thây cha con chuột nhắt - Vo ve mặc mẹ cái ong bầu",... Một thế giới hình tượng sống động, luôn cựa quậy, luôn hoạt động : "Cỏ gà lún phún leo quanh mép - Cá giếc le te lách giữa dòng" ; "Xiên ngang mặt đất rêu từng đám - Đâm toạc chân mây đá mấy hòn" ; "Gan nghĩa giải ra cùng nhật nguyệt - Khỏi tình cộ mãi với non sông",... Một thế giới đầy màu sắc trẻ trung, hồng hào, tươi tốt, chan chứa xuân sắc, xuân tình,... Tất cả đều được phát hiện và đánh giá theo một quan điểm mỹ học độc đáo của Xuân Hương : lấy vẻ đẹp thanh tân, khoẻ khoắn, phồn thực, tự nhiên của cơ thể người đàn bà giữa tuổi xuân làm chuẩn. Trong thế giới nghệ thuật ấy, tiếng khóc không hẳn là lời tuyệt vọng và cái chết không hề muôn ngàn đường sự sống (Khóc ông phủ Vĩnh Tường, Khóc Tổng Cóc,...).

Đúng là Tự tình (bài II) đã kết thúc bằng một lời chua chát : "Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại - Mảnh tình san sẻ tí con con". Nhưng như thế là tuổi xuân chưa hết, tình xuân vẫn đây.

Xưa thường có câu : "Chữ rằng, xuân bất tái lai". Nhưng Xuân Hương lại nói "xuân đi xuân lại lại", có nghĩa là người đàn bà vẫn còn có cái để chờ đợi, để ước ao, tuy rằng hạnh phúc mong đợi ấy chưa bao giờ được hưởng trọn vẹn : "Vàng trắng bóng xế khuyết chưa tròn".

Có một vấn đề rất nên đặt ra đối với thơ Hồ Xuân Hương nói chung : Vì sao tư tưởng dân gian gần như thuần chủng, nguyên chất ở Xuân Hương lại không được diễn đạt bằng các thể thơ dân gian như lục bát, song thất lục bát mà lại tự ép mình vào khuôn khổ thơ Đường, một thể thơ bác học ngoại nhập, luật lệ rất nghiêm minh ? Lại một nét oái oăm, độc đáo của thơ Xuân Hương chăng ? Nhưng ngẫm ra, thấy sự chọn lựa của nữ sĩ rất có lí, có thể nói là rất tự nhiên nữa.

Song thất lục bát là thể ngâm, hợp với lời trữ tình than thở. Lục bát thì mạnh về khả năng tự sự và thiên về diễn tả tình cảm thiết tha. Nhưng thơ Xuân Hương

Trung tâm Luyện thi Amax – 39 LK 6A Làng Việt Kiều Châu Âu

không chỉ có tình cảm mà còn có trí tuệ, có tư tưởng, đồng thời có nhu cầu tạo tính đa nghĩa trên mỗi dòng thơ, từ mỗi hình ảnh, mỗi ngôn từ : nghĩa hiển ngôn, nghĩa hàm ẩn, nghĩa trần trụi, nghĩa ỡm ờ, nghĩa từ vựng, nghĩa xã hội - tâm lí, nghĩa thanh, nghĩa tục, v.v.

Muốn đạt được những yêu cầu ấy, Xuân Hương rất cần đến khả năng của thất ngôn bát cú, của cấu trúc chặt chẽ, của luật đối ngẫu và của tính hàm súc với khả năng dồn nén nhiều nghĩa và tạo ý ngoài lời (ý tại ngôn ngoại).

Nhưng Xuân Hương, một mặt khai thác khả năng của thơ Đường, mặt khác lại cố tình xoá sạch, khước từ điển tích, điển cố, lối diễn đạt ước lệ cách điệu hoá, sự sử dụng màu sắc tao nhã, trừu tượng, thay vào đây là sự khai thác triệt để những ngôn từ thuần Việt và các thủ pháp nghệ thuật dân gian, đặc biệt là nghệ thuật trào phúng, hồn nhiên và táo tợn của ca dao, dân ca, của truyện tiểu lâm, Trạng Quỳnh, Trạng Lợn,... Và trên cái văn bản Việt hoá và dân gian hoá đó, bao giờ cũng hằn lên cái dấu triện "Xuân Hương hoá" đầy cá tính độc đáo và mãnh liệt của "thiên tài kì nữ" họ Hồ.